| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ B**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **48**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Cao Anh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải và ông Y Dhiệu Hmok.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa***: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2023, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Hồ P, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và ông Hồ P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 8 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt nên tôi cố gắng bỏ qua, đến năm 2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không quan tâm, chăm lo đến nhau, anh P có dấu hiệu không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn càng trở nên căng thẳng, tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 4/2023 cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt

được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Hồ P.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là cháu Hồ Thị Bảo U, sinh ngày 19/11/2003; cháu Hồ Bảo V1, sinh ngày 24/9/2006; cháu Hồ Hoài Bảo L, sinh ngày 18/02/2009 và cháu Hồ Phạm Hải Đ, sinh ngày 06/4/2012. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung là cháu Hồ Bảo V1, sinh ngày 24/9/2006; cháu Hồ Hoài Bảo L, sinh ngày 18/02/2009 và cháu Hồ Phạm Hải Đ, sinh ngày 06/4/2012 cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi. Đối với cháu Hồ Thị Bảo U, sinh ngày 19/11/2003 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Hồ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Hồ P. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Hồ Bảo V1, sinh ngày 24/9/2006; cháu Hồ Hoài Bảo L, sinh ngày 18/02/2009 và cháu Hồ Phạm Hải Đ, sinh ngày 06/4/2012 cho bà Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[1]** ***Về khởi kiện và thụ lý vụ án***: Ngày 11/4/2023 bà Phạm Thị V nộp đơn khởi kiện, ngày 21/4/2023 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của bà V là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]** ***Về thẩm quyền giải quyết***: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]** ***Về trình tự thủ tục tố tụng*****:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Hồ P không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 05/9/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và

ấn định xét xử lại ngày 22/9/2023 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[4]** ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Phạm Thị V và ông Hồ P có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 05 tháng 8 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không quan tâm, chăm lo đến nhau, anh P có dấu hiệu không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn càng trở nên căng thẳng, bà V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 4/2023 cho đến nay. Qua xác minh tại thôn M, xã B, thị xã B thì chính quyền địa phương xác định ông P, bà V có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không biết nhưng từ tháng 04/2023 vợ chồng đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị V và ông Hồ P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Hồ P và bà Phạm Thị V ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[5]** ***Về con chung***: Ông Hồ P và bà Phan Thị V có 04 con chung là Hồ Thị Bảo U, sinh ngày 19/11/2003; cháu Hồ Bảo V1, sinh ngày 24/9/2006; cháu Hồ Hoài Bảo L, sinh ngày 18/02/2009 và cháu Hồ Phạm Hải Đ, sinh ngày 06/4/2012. Hiện nay 03 con chung đang ở với mẹ và các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ do đó Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà Phạm Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Đối với cháu Hồ Thị Bảo U, sinh ngày 19/11/2003 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: bà Phạm Thị V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**[6]** ***Về tài sản chung và nợ chung***: Bà V không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[7]*Về án phí***: Bà Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị V được quyền ly hôn với ông Hồ P.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Hồ Bảo V1, sinh ngày 24/9/2006; cháu Hồ Hoài Bảo L, sinh ngày 18/02/2009 và cháu Hồ Phạm Hải Đ, sinh ngày 06/4/2012 cho bà Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chấp dưỡng tiền nuôi con chung: bà Phạm Thị V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Hồ P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà V không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0018551 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- UBND xã B;
- Chi cục THA dân sự Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Anh Tuấn**